

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HUẾ
THÀNH PHỐ HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2026/HS-ST

Ngày 25 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa và bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị C (tên gọi khác: X), sinh ngày 10/6/1969 tại thành phố H; giới tính: Nữ; số căn cước công dân: 046169005795; nơi cư trú: P104, tầng A, dãy F, khu chung cư P, phường P, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; con ông Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Nguyễn Minh, Nguyễn Văn M) (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Hồ Thị B1); chồng ông Huỳnh Văn H (đã chết), con: có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 16/02/2005, bị Trưởng Công an phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) xử phạt hành chính “Cảnh cáo” về hành vi “Không mang theo Giấy chứng minh nhân dân khi đi lại (lại lịch không rõ ràng)” (Quyết định số 04050).

Ngày 24/02/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 52/HSST), bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 24/4/2025 cho đến nay tại phường P, thành phố H. Có mặt.

- Bị hại: Chị Phan Đoàn Khánh T, sinh năm 1995, số CCCD: 049198002316.

Địa chỉ: A V, tổ dân phố Đ, xã T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Đắc T1, sinh năm 1975, số CCCD: 046075004175.

Địa chỉ: 1 H, phường A, thành phố H. Vắng mặt.

2. Anh Võ Quang N, sinh năm 1988, số CCCD: 044088001726.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Nguyễn Thị C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trước đó, bị cáo C có nhận chăm sóc bà Đoàn Thị S1 ở bệnh viện T3, khi thấy con bà S1 là chị Phan Đoàn Khánh T có lấy trong túi xách ứng tiền công cho bị cáo C nên bị cáo C biết trong túi xách có tiền. Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2024, bị cáo C đến Phòng 406 Khoa Ung bướu Bệnh viện T3, đi vào phòng phía bên phải thấy chị T và bà S1 đang ngủ, bị cáo C lén lút đến phía bên trái đầu giường nơi chị T ngủ lật áo khoác màu nâu phía trong có túi xách bằng giấy của chị T, bên trong túi xách có 1.815 USD (Đô la Mỹ), 50 AUD (Đô la Úc), 05 chỉ vàng ta, bị cáo C lấy túi xách đi ra thì bị bà S1 phát hiện tri hô, mọi người trong phòng thức dậy đuổi theo nhưng không kịp. Bị cáo C chạy xuống cầu thang bộ rồi để túi xách ở giữa khe tay vịn tầng 3 và tầng 4 rồi đi ra cổng sau của Bệnh viện T3, tại đây bị cáo C bị bảo vệ giữ lại và thông báo cho Công an phường V (nay là phường T, thành phố H) đến làm việc.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) chiếc túi chất liệu bằng giấy màu đỏ, có hai dây cầm bằng dây vải, bên ngoài túi giấy có in dòng chữ “Nest 100”.

- 01 (một) chiếc ví màu tím chất liệu bằng vải kích thước 09 x 18cm, bên ngoài có thêu chữ “H”.

- 05 (năm) nhẫn bằng kim loại màu vàng chưa xác định trọng lượng, nhãn hiệu, chất lượng.

- 08 (tám) tờ tiền mệnh giá 01 (một) đô la tiền Mỹ (USD).

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 02 (hai) đô la tiền Mỹ (USD).

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 05 (năm) đô la tiền Mỹ (USD).

- 18 (mười tám) tờ tiền mệnh giá 100 (một trăm) đô la tiền Mỹ (USD).

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 50 (năm mươi) đô la tiền Australia.

Tại bản Kết luận giám định số 529/KL-KTHS ngày 15/4/2025 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng kết luận: 05 (năm) vòng kim loại màu vàng (dạng nhẫn ký hiệu từ 01 đến 05 gửi giám định) đều có kim loại vàng hàm lượng của kim loại vàng trong mỗi mẫu đều là 97,0%.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 3100/KL-HĐĐGTS ngày 18/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, thành phố H (cũ) kết luận: 05 (năm) chiếc nhẫn bằng kim loại vàng có tổng khối lượng 18,72gam, hàm lượng kim loại vàng 97%, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 41.401.152 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 6504/KL-HĐĐGTS ngày 18/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, thành phố H (cũ) kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 01 (một) túi xách bằng giấy hình chữ nhật màu đỏ, chất liệu bằng giấy, bên ngoài thân túi có in chữ Yên Sào Nest100 có giá trị 0 đồng; 01 (một) túi bằng vải màu tím có thêu chữ H và hình ảnh cô gái mặc áo dài bên ngoài túi, phía trên túi có dây kéo khóa màu đen có giá trị 15.000 đồng.

Tại văn bản số 818/TTH-THKT ngày 30/12/2024 của Ngân hàng N1 - Chi nhánh tỉnh T (cũ) xác định 01 USD=24.255 VND áp dụng cho ngày 08/12/2024, 01 AUD=15.624,73 VND áp dụng từ ngày 05/12/2024 đến 11/12/2024. Như vậy, 1.815 USD có giá trị bằng 44.022.825 VND, 50 AUD có giá trị bằng 781.236,5 VND. Tổng cộng 44.804.061,5 VND.

Như vậy, tổng giá trị tài sản Nguyễn Thị C đã chiếm đoạt tài sản của chị Phan Đoàn Khánh T là 86.220.213,5 đồng (T2 mươi sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm mười ba phẩy năm đồng)

Bản Cáo trạng số 76/CT-VKSKV1 ngày 12/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Nguyễn Thị C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm theo bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 24 đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến, khiếu nại gì, nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 08/12/2024, tại Phòng 406 K Ung bướu Bệnh viện T3, bị cáo Nguyễn Thị C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Phan Đoàn Khánh T gồm: 01 chiếc túi bằng giấy màu đỏ, 01 chiếc ví màu tím, 1.815 USD (Đô la Mỹ), 50 AUD (Đô la Úc), 05 nhẫn kim loại vàng, có tổng giá trị là 86.220.213,5 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Do đó, bản Cáo trạng số 76/CT-VKSKV1 ngày 12/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế truy tố bị cáo Nguyễn Thị C là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Thị C có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, bị cáo cũng từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội do đó cần xử phạt nghiêm bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra.

[4]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thị C có nhân thân xấu. Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Bị hại chị Phan Đoàn Khánh T đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Đoàn Khánh T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Phòng PV 06 CA thành phố Huế;
- Cơ quan THAHS CA thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quỳnh Châu

